

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Mã nhận dạng 00611

Trang 2/2

Môn Học : Bào chế dược (203412) - Số Tín Chỉ: 4

Ngày Thi : 27/06/13 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV223

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09142114	LỮ THỊ NGỌC TRÂM	DH09DY		<i>Ngọc Trâm</i>			8.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	08142206	ĐỖ THỊ TUYẾT TRINH	DH08DY		<i>Tuyết Trinh</i>			6.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	09142126	VŨ ĐÌNH VĂN	DH09DY		<i>Đình Văn</i>			4.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	07142115	NGUYỄN DANH VIỆT	DH08DY		<i>Danh Việt</i>			5.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	09142132	TRẦN QUANG VŨ	DH09DY		<i>Quang Vũ</i>			6.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	09142133	LÊ THỊ HOÀNG VY	DH09DY		<i>Hoàng Vy</i>			6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	09142134	NGUYỄN PHƯƠNG VY	DH09DY		<i>Phương Vy</i>			6.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	09142135	LÊ XUÂN VY	DH09DY		<i>Xuân Vy</i>			6.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10142206	TRẦN THỊ LỆ XUÂN	DH10DY		<i>Lệ Xuân</i>			5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 27; Số tờ: .....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

*Nguyễn Quốc Tuấn*

Duyệt của Trưởng Bộ môn  
(Quản lý môn học)

*[Signature]*

Cán bộ chấm thi 1&2

*Le Van Lang*  
*Trần Văn Thành*

Ngày tháng năm

Chấn (Lý 7 học)

Luu



Mã nhận dạng 00611

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Bào chế dược (203412) - Số Tín Chỉ: 4

Ngày Thi : 27/06/13 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV223

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09142083	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	DH09DY		<i>[Signature]</i>			6.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09142084	TRẦN HOÀNG QUÂN	DH09DY		<i>[Signature]</i>			4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09142085	ĐOÀN NGỌC PHẠM KIM QUI	DH09DY		<i>[Signature]</i>			4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	09142087	PHẠM NHẬT HOÀNG SANG	DH09DY		<i>[Signature]</i>			5.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	09142090	NGUYỄN THÀNH TÀI	DH09DY		<i>[Signature]</i>			5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	09142094	HOÀNG CÔNG TẤN	DH09DY		<i>[Signature]</i>			7 (Bảy)		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09142096	NGUYỄN PHƯỚC THÀNH	DH09DY		<i>[Signature]</i>			6.0 (Sáu)		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	09142101	NGUYỄN THỊ KIM THOA	DH09DY		<i>[Signature]</i>			8.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	09142103	LÊ VIỆT THUẬN	DH09DY		<i>[Signature]</i>			7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10142166	HOÀNG THỊ BÍCH THÙY	DH10DY		<i>[Signature]</i>			7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	09142106	HOÀNG THỊ THU THÚY	DH09DY		<i>[Signature]</i>			4.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10142167	LÊ THỊ THANH THÚY	DH10DY		<i>[Signature]</i>			5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	09142110	TỬ MINH TÍN	DH09DY		<i>[Signature]</i>			5.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	09142113	NGUYỄN THỊ THIÊN TRÀ	DH09DY		<i>[Signature]</i>			6.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	08142195	BẠCH NGỌC THIÊN TRANG	DH09DY		<i>[Signature]</i>			6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10142179	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	DH10DY		<i>[Signature]</i>			6.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	08142198	NGUYỄN THỊ TRANG	DH08DY		<i>[Signature]</i>			5.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	09142112	NGUYỄN THỊ TRANG	DH09DY		<i>[Signature]</i>			6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 27; Số tờ: .....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

*[Signature]* Nguyễn Quốc Tuấn

*[Signature]* Lê Văn Lăng  
*[Signature]* Trần Văn Thành



**DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC**

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Bào chế dược (203412) - Số Tín Chi: 4

Ngày Thi : 27/06/13 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV219

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09142073	NGUYỄN VĂN NHI	DH09DY	2				7.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	07142062	NGUYỄN QUỐC PHƯỚC	DH08DY	2				7.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	09142082	TÔ THỊ HỒNG	DH09DY	2				7.25		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 21; Số tờ: 42  
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;  
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.  
 Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2  
  
 Nguyễn Lê Hoàng Ninh

Duyệt của Trưởng Bộ môn  
 (Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2  
  
 Lê Văn Lang  
 Trần Văn Thành

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Bào chế dược (203412) - Số Tín Chỉ: 4

Ngày Thi : 27/06/13 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV219

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09142002	NGUYỄN DUY AN	DH09DY	2	<i>[Signature]</i>			8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09142004	TRẦN THỊ QUỲNH ANH	DH09DY	2	<i>[Signature]</i>			6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09142005	LÊ THỊ HÁI	DH09DY	2	<i>[Signature]</i>			7.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	09142008	BÙI VĂN DANH	DH09DY	2	<i>[Signature]</i>			7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	09142009	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄM	DH09DY	2	<i>[Signature]</i>			7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	09142011	LÊ THỊ MỸ DIỆU	DH09DY	2	<i>[Signature]</i>			6.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09142013	NGUYỄN LÊ DUNG	DH09DY	2	<i>[Signature]</i>			5.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	09142015	NGUYỄN THỊ KIM DUYÊN	DH09DY	2	<i>[Signature]</i>			8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	09142025	TRINH NGUYỄN HÀ	DH09DY	2	<i>[Signature]</i>			4.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	09142031	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	DH09DY	2	<i>[Signature]</i>			8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	09142034	TÔN NỮ KHÁNH HIỀN	DH09DY	2	<i>[Signature]</i>			7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	09142039	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	DH09DY	2	<i>[Signature]</i>			7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	09142046	VŨ THỊ HỒNG KHÁNH	DH09DY	2	<i>[Signature]</i>			7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	09142051	VÕ THÙY LIÊN	DH09DY	2	<i>[Signature]</i>			7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	09142058	LÊ THỊ MAI	DH09DY	2	<i>[Signature]</i>			7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	09142060	HUYỀN THỊ TUYẾT MƠ	DH09DY	2	<i>[Signature]</i>			7.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10142100	TRẦN THÙY NHƯ NGUYỄN	DH10DY	2	<i>[Signature]</i>			6.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	09142069	NGUYỄN Ý NHA	DH09DY	2	<i>[Signature]</i>			6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 21; Số tờ: 42

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;  
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.  
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2  
*[Signature]* Dương Quốc Minh  
*[Signature]* Lê Hoài Ninh

Duyệt của Trưởng Bộ môn  
(Quản lý môn học)  
*[Signature]*

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm  
*[Signature]* Lê Văn Lương  
*[Signature]* Trần Văn Thành